TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20/01/2026
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Ngọc Phú.

Ông Nguyễn Minh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lê Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 20/01/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 438/2025/TLST-HNGĐ ngày 06/11/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2025/QĐST-DS ngày 23/12/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu Hồng N, sinh ngày 16/3/1995, số CCCD: 022195000xxx.

Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố PL, phường NĐ, thành phố Hải Phòng. Địa chỉ hiện nay: Số nhà xx, thôn MX 2, phường ĐT, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Nguyễn Thu Hồng N đối với việc giao nhận văn bản tố tụng tại Tòa án: Ông Nguyễn Quang D, sinh ngày 18/5/1980, số CCCD: 030080014xxx; địa chỉ: số xx, phố TQ, phường TH, thành phố Hải Phòng.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn G, sinh ngày 09/10/1994, số CCCD: 030094005xxx.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố PL, phường NĐ, thành phố Hải Phòng. Địa chỉ hiện nay: Nhật Bản. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thu Hồng N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn G được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn

tại UBND xã NĐ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường NĐ, thành phố Hải Phòng) vào ngày 27/02/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng một năm tại gia đình nhà chồng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, mỗi lần nói chuyện hai vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Khoảng tháng 11 năm 2022, anh G đi lao động tại Nhật Bản, từ khi đi thỉnh thoảng anh G liên lạc về hỏi thăm con, vợ chồng không quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống. Đến nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh G.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Anh K, sinh ngày 10/5/2019, chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu K cho chị tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành. Chị không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không đề nghị giải quyết.

Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình anh Nguyễn Văn G là bà Lê Thị T (mẹ đẻ của anh G); địa chỉ: Tổ dân phố PL, phường NĐ, thành phố Hải Phòng.

Bà Lê Thị T cung cấp: Chị Nguyễn Thu Hồng N trình bày về điều kiện kết hôn giữa chị N và anh G là đúng. Sau khi kết hôn, chị N về sinh sống cùng gia đình bà, vợ chồng chị N, anh G không có mâu thuẫn nhiều. Năm 2022, anh G đi lao động tại Nhật Bản, năm 2023 chị N đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đó đến nay. Nhiều lần anh G liên lạc về có trao đổi việc vợ chồng bất đồng quan điểm, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Anh G biết việc Tòa án thụ lý vụ án ly hôn giữa chị N và anh, do không thể về Tòa án làm việc được, anh G đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án giao các văn bản của Toà án thông qua bà, bà sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh G biết. Bà T nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng, đã thông báo cho anh G biết, hiện anh G không có địa chỉ cụ thể tại Nhật Bản, không cung cấp địa chỉ và không gửi văn bản về Tòa án được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng anh G, chị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 10/5/2019, hiện nay chị N đang trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu K. Anh G hiện đang lao động tại Nhật Bản không thể trực tiếp nuôi con, đề nghị Tòa án giải quyết con chung theo quy định của pháp luật; trường hợp chị N không có nguyện vọng nuôi con thì gia đình bà T nhận nuôi cháu K trong thời gian anh G không có mặt tại Việt Nam.

Về tài sản chung: Chị N và anh G không có tài sản chung.

UBND phường NĐ, thành phố Hải Phòng và đại diện tổ dân phố PL cung cấp: Chị Nguyễn Thu Hồng N và anh Nguyễn Văn G được tự do tìm hiểu, tự

nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã NĐ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường NĐ, thành phố Hải Phòng) vào ngày 27/02/2018. Sau khi kết hôn, chị N và anh G sinh sống tại tổ dân phố PL, phường NĐ, thành phố Hải Phòng; năm 2022 anh G đi lao động tại Nhật Bản, sau đó chị N đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Về mâu thuẫn cụ thể giữa chị N và anh G đề nghị Tòa án xác minh thông qua gia đình anh G. Về con chung: Chị N và anh G có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 10/5/2019, hiện nay cháu K đang sinh sống cùng chị N.

Tại Công văn số 23733/QLXNC-P3 ngày 17/11/2025, Cục Quản lý Xuất nhập cảnh Bộ Công an cung cấp: Anh Nguyễn Văn G đã xuất cảnh ngày 12/5/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thu Hồng N và anh Nguyễn Văn G vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Các đương sự chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu Hồng N, xử cho chị Nguyễn Thu Hồng N ly hôn anh Nguyễn Văn G. Về con chung: Giao cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, Go dục cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 10/5/2019 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ: không giải quyết. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận

định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thu Hồng N khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn G có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại: Tổ dân phố PL, phường NĐ, thành phố Hải Phòng, hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng; đồng thời xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N không cung cấp được địa chỉ của anh G tại Nhật Bản. Tòa án đã yêu cầu gia đình anh G cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được mà chỉ thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh G biết. Nguyên đơn chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh G đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng qua gia đình đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu Hồng N và anh Nguyễn Văn G tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã NĐ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường NĐ, thành phố Hải Phòng) vào ngày 27/02/2018 nên là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của chị N, biên bản xác minh tại địa phương, lời khai của bà T (là mẹ đẻ của anh G) có căn cứ xác định vợ chồng chị N và anh G chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Năm 2022, anh G đi lao động tại Nhật Bản, sau đó chị N đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở Quảng Ninh sinh sống, vợ chồng không quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh G đã được bà T thông báo về việc chị N xin ly hôn, anh G có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh G đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm nhau trong cuộc sống, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn

nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị N ly hôn anh G.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị N và anh G có một con chung là Nguyễn Anh K, sinh ngày 10/5/2019, hiện nay chị N đang trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu K. Chị N đề nghị Tòa án giao cháu K cho chị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Thông qua gia đình, anh G có quan điểm anh hiện đang lao động tại Nhật Bản không thể trực tiếp nuôi con, đề nghị Tòa án giải quyết con chung theo quy định của pháp luật; trường hợp chị N không có nguyện vọng nuôi con thì gia đình bà T thay anh nhận nuôi cháu K trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam.

Hội đồng xét xử thấy anh G không có mặt tại Việt Nam nên không trực tiếp nuôi dưỡng, Go dục con chung; trong khi đó chị N đang chăm sóc và nuôi dưỡng cháu K, cháu còn nhỏ nên để đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống của cháu, cần giao cháu K cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, Go dục là phù hợp với quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh G phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu

Hồng N, xử cho chị Nguyễn Thu Hồng N ly hôn anh Nguyễn Văn G.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thu Hồng N chăm sóc, nuôi dưỡng, Go dục cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 10/5/2019 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thu Hồng N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E, số 0005885 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thu Hồng N đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thu Hồng N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Nguyễn Văn G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 8 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 -Hải Phòng;
- UBND phường NĐ, thành phố Hải Phòng (kết hôn năm 2018 tại UBND xã NĐ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh